

Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 183/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1994;

2. Bị đơn: **Anh Tô Văn N**, sinh năm 1990;

Đều cư trú tại: **xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Trần Thị H** và anh **Tô Văn N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Trần Thị H** và anh **Tô Văn N** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa **chị Trần Thị H** và anh **Tô Văn N** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực

pháp luật.

- **Về con chung:** Chị **Trần Thị H** và anh **Tô Văn N** xác định có 02 con chung là **Tô Trần Đức A**, sinh ngày 31/5/2016 và **Tô Trần Phúc A1**, sinh ngày 31/5/2016. Khi ly hôn các bên thỏa thuận: Anh **Tô Văn N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con 02 chung là **Tô Trần Đức A**, sinh ngày 31/5/2016 và **Tô Trần Phúc A1**, sinh ngày 31/5/2016 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết do chị **H** và anh **N** không yêu cầu.

* **Quyền đi lại thăm nom con chung:** Chị **Trần Thị H** có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

- **Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay:** Tòa án không giải quyết do chị **H** và anh **N** không yêu cầu.

- **Về án phí:** Chị **Trần Thị H** tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, hoàn trả chị **H** 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0007039 ngày 28/11/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2015 xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái

- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.